

TRƯỜNG ĐH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG HÀ NỘI
KHOA NGOẠI NGỮ
BỘ MÔN NGOẠI NGỮ

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG ANH 3**

Hệ đào tạo: Đại học chính quy
Ngành/Chuyên ngành: Tài chính ngân hàng

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **TIẾNG ANH 3**
- Mã học phần: DCB.04.08
- Số tín chỉ: 4
- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 180 tiết
 - + Lý thuyết: 20 tiết
 - + Bài tập: 37 tiết
 - + Kiểm tra: 03 tiết
 - + Tự học: 90 tiết
- Khoa, Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Tiếng Anh cơ bản
- Giảng viên phụ trách học phần (dự kiến):
 - 1) Họ và tên: ThS. Phạm Hồng Phương
Chức danh: Giảng viên
Thông tin liên hệ: ĐT: 0902075299 Email: phuongphamhong84@gmail.com
 - 2) Họ và tên: ThS. Nguyễn Thị Hồng Mai
Chức danh: Giảng viên.
Thông tin liên hệ: ĐT: 0342445354. Email: hongmai1910@gmail.com
 - 3) Họ và tên: ThS Lê Thị Yến
Chức danh: Giảng viên
Thông tin liên hệ: ĐT: 0904687937 Email: mercury.hulis@gmail.com

2. Các học phần tiên quyết

Các học phần tiên quyết: **Tiếng anh 2**

3. Mục tiêu của học phần:

3.1 Mục tiêu chung:

Sau khi học xong học phần Tiếng Anh 3, sinh viên có thể:

- Sử dụng vốn kiến thức nền tảng về ngữ pháp, từ vựng, phát âm đã được củng cố trong quá trình học để có các kỹ năng nghe nói đọc viết bằng tiếng Anh cơ bản trong các tình huống giao tiếp và về các chủ đề quen thuộc, tương đương trình độ A2+ theo khung tham chiếu Châu Âu CEFR.

3.2 Mục tiêu cụ thể

a) Về kiến thức: Kết thúc học phần, sinh viên có thể:

- Nhận biết được trọng âm của từ, của câu và ngữ điệu khi nghe.

- Có vốn kiến thức ngữ pháp và cấu trúc câu cơ bản và phức tạp về các cách diễn đạt cho những tình huống giao tiếp hàng ngày.

- Có đủ vốn từ để thực hiện giao tiếp hàng ngày với các tình huống và chủ đề quen thuộc.

b) Về kỹ năng: Sinh viên được phát triển 4 kỹ năng cơ bản: nghe, nói, đọc, viết ở mức sơ cấp liên quan đến các tình huống quen thuộc hàng ngày.

c) Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có ý thức rèn luyện, sử dụng ngôn ngữ tiếng Anh trong các tình huống quen thuộc trong đời sống; khả năng tự học, tự nghiên cứu nâng cao trình độ chuyên môn.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

4.1. Về kiến thức

CLO 1.1: Vận dụng được các kiến thức về ngôn ngữ tiếng Anh (ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng) đã được học trong các ngữ cảnh và tình huống giao tiếp cụ thể.

4.2. Về kỹ năng

CLO 2.1: Nghe những thông tin đơn giản được diễn đạt bằng giọng chuẩn về các chủ đề quen thuộc. Xác định được ý chính trong các bài nói về những chủ đề thường gặp khi được diễn đạt rõ ràng bằng phương ngữ chuẩn phổ biến.

CLO 2.2: Có khả năng đọc hiểu được các thông tin khá phức tạp, các bài đọc độ dài 200-300 từ.

CLO 2.3: Có khả năng viết thư không trang trọng sử dụng các thì, các cấu trúc câu đơn, câu phức khá linh hoạt và có sử dụng phương tiện liên kết ý rõ ràng.

4.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CLO 3.1: Chủ động đưa ra ý kiến khi thảo luận trong nhóm hoặc thảo luận trong lớp; có khả năng tự học tiếng Anh ngoài giờ lên lớp.

❖ **Ghi chú:** CLO = Course Learning Outcomes = Chuẩn đầu ra của học phần.

5. Ma trận mức độ đóng góp của CDR học phần (CLO) vào CDR của CTĐT (PLO)

	PLO06
CLO 1.1	M
CLO 2.1	M
CLO 2.2	M
CLO 2.3	M
CLO 3.1	M
Tổng hợp toàn bộ HP	M

Ghi chú:

Mức độ đóng góp của CLO và PLO được xác định cụ thể như sau:

L (Low) – Đóng góp ít vào PLO

M (Medium) – Đóng góp vừa vào PLO

H (High) - Đóng góp nhiều vào PLO

(Xem chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo – PLO, trong Phụ lục kèm theo)

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tham dự giờ lên lớp: Tối thiểu 80% số tiết học trên lớp, trong phòng thực hành có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên;

- Bài tập, thảo luận:

- + Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thảo luận theo hướng dẫn của giáo viên;
- + Thực hiện đầy đủ các bài tập được giao;
- Làm bài kiểm tra định kỳ;
- Tham gia thi kết thúc học phần.

7. Tài liệu học tập:

7.1. Giáo trình chính:

[1]. Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig, Paul Selison, *New English File, Elementary Student's book*, Oxford University Press (2007);

[2]. Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig, Paul Selison, *New English File, Elementary Workbook*, Oxford University Press (2007)

[3]. Self-study Material for Non-Major Students – English 03 (Tài liệu Khoa Ngoại ngữ biên soạn).

7.2. Sách tham khảo:

[1]. Murphy, Raymond, *English Grammar in Use*, (Trần Mạnh Tường dịch và chú giải) NXB Văn hóa – Thông tin (2012)

[2]. Michael McCarthy, Felicity O'Dell, *English Vocabulary in Use Pre-Intermediate*, Cambridge University Press (2010)

[3]. Jonathan Marks, *English Pronunciation in Use Pre- Intermediate*, Cambridge University Press (2007)

8. Nội dung học phần

8.1 Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần Tiếng Anh 3 là học phần bắt buộc trong khối kiến thức cơ bản dành cho sinh viên không chuyên, gồm 06 bài (Từ File 04 đến File 09) trong cuốn giáo trình *New English File – Pre-intermediate* do các tác giả Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig và Paul Seligson biên soạn. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về:

- + Các vấn đề ngữ pháp, từ vựng và ngữ âm tiếng Anh;
- + Những từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày
- + Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, viết, nghe, nói ở cấp độ tiền trung cấp.

Mỗi bài học gồm 04 phần tập trung vào các kiến thức về Ngữ âm (Pronunciation), ngữ pháp (Grammar), và từ vựng (Vocabulary), đan xen các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong đó chú trọng phát triển ngôn ngữ nói phục vụ mục đích giao tiếp bằng tiếng Anh. Sau mỗi bài học đều có 01 nội dung thực tế (Practical English) gồm các tình huống như trong khách sạn, mua hàng, đi du lịch, đặt dịch vụ v.v. và phần củng cố kiến thức của toàn bài.

8.2 Ma trận phù hợp giữa các Chương của học phần với CDR học phần (CLO)

STT	Bài	CLO 1.1	CLO 2.1	CLO 2.2	CLO 2.3	CLO 3.1
1	Bài 4	P	P	P	P	P
2	Bài 5	P	P	P	P	P

3	Bài 6	P	P	P	P	P
4	Bài 7	P	P	P	P	P
5	Bài 8	P	P	P	P	P
6	Bài 9	P	P	P	P	P

- ❖ **Ghi chú:** I: Introduction= Giới thiệu
P: Proficient=Thuần thục, đủ
A: Advanced= Nâng cao

9. Kế hoạch giảng dạy:

Buổi dạy	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Tự học	CLO	Nhiệm vụ của sinh viên
Buổi 1	<p>Giảng viên phổ biến đề cương chi tiết học phần</p> <p>4A. From rags to riches</p> <ul style="list-style-type: none"> - Present perfect (experience) + <i>ever, never</i>; present perfect or past simple? - Clothes - Vowel sounds - Have you ever been to Zara store? <p>4B. Family conflicts</p> <ul style="list-style-type: none"> - Present perfect simple + <i>yet, just, already</i> - Verb phrases - Consonant sounds - Problems with your teenage children 	2 LT 1 BT	5	CLO 1.1 CLO 2.1 CLO 2.2 CLO 2.3 CLO 3.1	- SV đọc trước giáo trình - SV làm BT Workbook và tài liệu tự học
Buổi 2	<p>4C. Faster, faster!</p> <ul style="list-style-type: none"> - Comparatives, <i>as...as/less... than...</i> - Time expressions: <i>spend time, waste time, etc.</i> 	2 LT 1 BT	5	CLO 1.1 CLO 2.1 CLO 2.2 CLO 2.3 CLO 3.1	- SV đọc trước giáo trình - SV làm BT Workbook và tài liệu tự học

	<ul style="list-style-type: none"> - Sentence stress - We're living faster but we're living better? 4D. The world's friendliest city - Superlatives (+<i>ever</i> + present perfect) - Opposite adjectives - Word stress - Big cities - Workbook 4A, 4B, 4C, 4D - Self-study Material Files 1,2 - Further activities 			<ul style="list-style-type: none"> CLO 1.1 CLO 2.1 CLO 2.2 CLO 2.3 CLO 3.1 	
Buổi 3	<ul style="list-style-type: none"> 5A. Are you a party animal? - Uses of the infinitive (with to) - Verbs+infinitive - Word stress - What to say (not to say) to people at the parties 5B. What makes you feel good? - Verb+ing - Verbs followed by- ing - What makes you feel good? 	1 LT 2 BT	5	<ul style="list-style-type: none"> CLO 1.1 CLO 2.1 CLO 2.2 CLO 2.3 CLO 3.1 	<ul style="list-style-type: none"> - SV đọc trước giáo trình - SV làm BT Workbook và tài liệu tự học
Buổi 4	<ul style="list-style-type: none"> 5C. How much can you learn in a month? - Have to/don't have to, must/musn't. - Modifiers: a bit. Really - Sentence stress - How much can you learn in a month? 5D. The name of the game - Expressing movement - Prepositions of movements, sport. - Prepositions - Your most exciting sporting moments... - Workbook 5A, 5B, 5C, 5D - Self-study Material Files 3,4 - Further activities 	1 LT, 2 BT	5	<ul style="list-style-type: none"> CLO 1.1 CLO 2.1 CLO 2.2 CLO 2.3 CLO 3.1 	<ul style="list-style-type: none"> - SV đọc trước giáo trình - SV làm BT Workbook và tài liệu tự học
Buổi 5	<ul style="list-style-type: none"> REVIEW & PROGRESS TEST 1: - <i>Contents:</i> Pronunciation, grammar, vocabulary (Units 4,5) - <i>Skills:</i> Listening, Reading, Writing 	1 KT 2 BT	5	<ul style="list-style-type: none"> CLO 2.1 CLO 2.2 CLO 2.3 CLO 3.1 	Sinh viên ôn tập và làm bài kiểm tra

Buổi 6	6A. If something bad can happen, it will - <i>If+ present; will+infinitive</i> (first conditional) - Confusing verbs - Long and short vowels - Murphy's law 6B. Never smile at a crocodile - <i>If+past; would+infinitive</i> (second conditional) - Animals - Stress and rhythm - Nature's perfect killing machine	1 LT, 2 BT	5	CLO 1.1 CLO 2.1 CLO 2.2 CLO 2.3 CLO 3.1	- SV đọc trước giáo trình - SV làm BT Workbook và tài liệu tự học
Buổi 7	6C. Decisions, decisions - <i>May/might</i> (possibility) - Word building; noun formation - Sentence stress, <i>-ion</i> endings - How to make decisions when you have to choose between possibilities?	1 LT, 2 BT	5	CLO 1.1 CLO 2.1 CLO 2.2 CLO 2.3 CLO 3.1	- SV đọc trước giáo trình - SV làm BT Workbook và tài liệu tự học
Buổi 8	6D. What should I do? - Should/shouldn't - Get - Sentence stress - Radio FM-message boards - Workbook 6A, 6B, 6C, 6D - Self-study Material Files 5,6 - Further activities	1 LT, 2 BT	5	CLO 1.1 CLO 2.1 CLO 2.2 CLO 2.3 CLO 3.1	- SV đọc trước giáo trình - SV làm BT Workbook và tài liệu tự học
Buổi 9	7A. Famous fears and phobias - Present perfect or Past simple - Words related to fear - Long and short vowels - We're all afraid...	1 LT, 2 BT	5	CLO 1.1 CLO 2.1 CLO 2.2 CLO 2.3 CLO 3.1	- SV đọc trước giáo trình - SV làm BT Workbook và tài liệu tự học
Buổi 10	7B. Born to direct - Present perfect or Past simple - Biographies - Word stress - Hitchcock or Tarantino?	1 KT 2 BT	5	CLO 1.1 CLO 2.1 CLO 2.2 CLO 2.3 CLO 3.1	- SV đọc trước giáo trình - SV làm BT Workbook và tài liệu tự học
Buổi 11	7C. I used to be a rebel - <i>Used to</i> - School subjects: <i>history, geography, etc.</i> - Sentence stress; <i>used to/didn't use to</i> - A famous rebel-but he was really?	1 LT, 2 BT	4	CLO 1.1 CLO 2.1 CLO 2.2 CLO 2.3 CLO 3.1	- SV đọc trước giáo trình - SV làm BT Workbook và tài liệu tự học

Buổi 12	7D. The mothers of invention - Passive - Verb; <i>invent, discover, etc.</i> - <i>-ed</i> , sentence stress - Did you know...? - Workbook 7A, 7B, 7C, 7D - Self-study Material Files 7 - Further activities	2 LT, 1 BT	4	CLO 1.1 CLO 2.1 CLO 2.2 CLO 2.3 CLO 3.1	- SV đọc trước giáo trình - SV làm BT Workbook và tài liệu tự học
Buổi 13	REVIEW & PROGRESS TEST 2: - <i>Contents</i> : Pronunciation, grammar, vocabulary (Units 6,7) - <i>Skills</i> : Listening, Reading, Writing	2 BT 1 KT	4	CLO 2.1 CLO 2.2 CLO 2.3 CLO 3.1	Sinh viên ôn tập và làm bài kiểm tra
Buổi 14	8A. I hate weekends! - <i>Something, anything, nothing, etc.</i> - Adjectives ending in <i>-ed</i> and <i>-ing</i> - Vowel sounds - I hate weekends! 8B. How old is your body? - Quantifiers, <i>too, not enough</i> , - Health and lifestyle - How old is your body?	1 LT 2 BT	4	CLO 1.1 CLO 2.1 CLO 2.2 CLO 2.3 CLO 3.1	- SV đọc trước giáo trình - SV làm BT Workbook và tài liệu tự học
Buổi 15	8C. Waking up is hard to do - Word order of phrasal verbs - Phrasal verbs - Consonant sounds - Are you allergic to mornings?	1 LT 2 BT	4	CLO 1.1 CLO 2.1 CLO 2.2 CLO 2.3 CLO 3.1	- SV đọc trước giáo trình - SV làm BT Workbook và tài liệu tự học
Buổi 16	8D. "I'm Jim." "So am I." - <i>So/neither</i> + auxiliaries - Similarities - Sentence stress - "I'm Jim." "So am I." - Workbook 8A, 8B, 8C, 8D - Self-study Material File 8	2 LT 1 BT	4	CLO 1.1 CLO 2.1 CLO 2.2 CLO 2.3 CLO 3.1	- SV đọc trước giáo trình - SV làm BT Workbook và tài liệu tự học
Buổi 17	REVIEW & PROGRESS TEST 3: - <i>Contents</i> : Pronunciation, grammar, vocabulary (Units 8) - <i>Skills</i> : Listening, Reading, Writing	1 KT 2 BT	4	CLO 2.1 CLO 2.2 CLO 2.3 CLO 3.1	SV ôn tập và tham gia làm bài kiểm tra.

Buổi 18	9A. What a week! - Past perfect - Adverbs: <i>suddenly, immediately,</i> etc. - Revision for vowel sounds and sentence stress - Fact is always stranger than fiction	1 LT 2 BT	4	CLO 1.1 CLO 2.1 CLO 2.2 CLO 2.3 CLO 3.1	- SV đọc trước giáo trình - SV làm BT Workbook và tài liệu tự học
Buổi 19	9B. Then he kissed me - Reported speech - <i>Say, tell, or ask?</i> - Rhyming verbs - Then he kissed me	2 LT 1 BT	4	CLO 1.1 CLO 2.1 CLO 2.2 CLO 2.3 CLO 3.1	- SV đọc trước giáo trình - SV làm BT Workbook và tài liệu tự học
Buổi 20	Revision: Grammar Quick grammar check for each file Vocabulary, Pronunciation Quick check of vocabulary, sounds, and word stress	3 BT	4	CLO 2.1 CLO 2.2 CLO 2.3 CLO 3.1	- SV đọc trước giáo trình - SV làm BT Workbook và tài liệu tự học

10. Phương pháp dạy học

10.1 Các phương pháp dạy học được sử dụng

STT	Phương pháp dạy học	Lựa chọn
1	Phương pháp chung là thuyết trình, kết hợp với các phương pháp dạy học tích cực.	x
2	Phương pháp dạy học giao tiếp	x
3	Phương pháp dạy học theo cặp, theo nhóm: Đóng vai; thảo luận, làm bài tập, bài tập lớn theo nhóm;	x
4	Phương pháp dạy học theo dự án mô phỏng thực tế	
5	Phương pháp dạy học theo nhiệm vụ	x
6	Phương pháp dạy học trải nghiệm: Thăm quan thực tế, kiến tập, thực tập doanh nghiệp.	
7	Hướng dẫn tự học	x

10.2 Ma trận phù hợp giữa phương pháp dạy học với CLO

STT	Phương pháp dạy học	CLO 1.1	CLO 2.1	CLO 2.2	CLO 2.3	CLO 3.1
1	Thuyết trình	x				
2	Dạy học giao tiếp		x	x		x
3	Dạy học theo cặp, nhóm		x	x	x	x
4	Dạy học theo dự án mô phỏng thực tế					

5	Dạy học theo nhiệm vụ	x	x	x	x	x
6	Dạy học trải nghiệm: Thăm quan thực tế, kiến tập, thực tập doanh nghiệp					
7	Hướng dẫn tự học		x	x	x	x

11. Đánh giá kết quả học tập

11.1. Phương pháp, hình thức đánh giá

11.1.1 Các phương pháp đánh giá

1) Đánh giá chuyên cần (Tham gia học trên lớp; ý thức, thái độ, chất lượng tham gia các hoạt động học tập)

2) Đánh giá kiến thức, kỹ năng:

Viết: Tự luận, trắc nghiệm.

11.1.2 Các hình thức đánh giá

a) Đánh giá thường xuyên (chuyên cần, thảo luận, báo cáo bài tập lớn)

b) Đánh giá định kỳ (3 bài kiểm tra hình thức trắc nhiệm + tự luận)

* Định dạng bài kiểm tra định kỳ, thời lượng 45 phút, kiểm tra 3 kỹ năng nghe, đọc, viết:

Câu hỏi/ nội dung đánh giá	Số câu	Điểm
Part A: GRAMMAR AND VOCABULARY - Chọn đáp án đúng hoàn thành câu - Tìm lỗi sai và sửa lại cho đúng - Chọn đáp án đúng hoàn thành đoạn văn	16 câu	4 điểm
Part B: READING - Đọc đoạn văn và xác định câu True, False, Not given	8 câu	2 điểm
Part C: WRITING - Dựng câu từ các từ cho sẵn - Viết lại câu sao cho nghĩa không thay đổi - Hoặc viết 1 bức thư không trang trọng cho 1 người bạn ở nước ngoài	8 câu hoặc 1 bức thư	2 điểm
Part D. LISTENING - Nghe và nối thông tin liên quan - Nghe đoạn hội thoại hoặc bài phát biểu và hoàn thành thông tin.	8 câu	2 điểm
Tổng cộng		10 điểm

c) Đánh giá tổng kết: Bài thi kết thúc học phần theo hình thức trắc nghiệm + tự luận.

* Định dạng bài kiểm tra kết thúc học phần, thời lượng 60 phút, kiểm tra 3 kỹ năng nghe, đọc, viết:

Câu hỏi/ nội dung đánh giá	Số câu	Điểm
----------------------------	--------	------

Part A: GRAMMAR AND VOCABULARY - Chọn đáp án đúng hoàn thành câu - Tìm lỗi sai và sửa lại cho đúng - Chọn đáp án đúng hoàn thành đoạn văn	20 câu	4 điểm
Part B: READING - Đọc đoạn văn và xác định câu True, False, Not given	10 câu	2 điểm
Part C: WRITING - Viết 1 bức thư không trang trọng cho 1 người bạn ở nước ngoài	1 bức thư	2 điểm
Part D. LISTENING - Nghe và nối thông tin liên quan - Nghe đoạn hội thoại hoặc bài phát biểu và hoàn thành thông tin.	10 câu	2 điểm
Tổng cộng		10 điểm

11.2 Đánh giá mức độ đạt CDR của học phần

Thành phần đánh giá	Trọng số (%)	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	CLO	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Điểm chuyên cần	10	Đánh giá quá trình	Rubric	CLO3.1	100%	
03 bài kiểm tra giữa kỳ	30	Trắc nghiệm + Tự luận	Rubric	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3	25% 25% 25% 25%	
Bài thi kết thúc học phần	60	Trắc nghiệm + Tự luận	Rubric	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3	40% 60%	

11.3. Các Rubric đánh giá kết quả học tập

11.3.1 Các Rubric đánh giá bài kiểm tra tự luận trong kỳ và thi tự luận hết học phần

Tiêu chí đánh giá của từng câu hỏi trong đề thi	Mức chất lượng	Thang điểm %
<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung đủ, trả lời đúng 100% câu hỏi. - Trình bày rõ ràng, diễn đạt ngắn gọn, súc tích, logic. - Mắc 1-2 lỗi về thuật ngữ chuyên môn. - Còn vài lỗi chính tả. 	Mức A (Vượt quá mong đợi)	85 - 100
<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời đúng 70-80% câu hỏi. - Trình bày rõ ràng, diễn đạt logic. 	Mức B	70 - 84

<ul style="list-style-type: none"> - Mắc ít lỗi (3-5) lỗi về thuật ngữ chuyên môn. - Có khá nhiều lỗi chính tả. 	(Đáp ứng được mong đợi)	
<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời đúng 50-60% câu hỏi. - Trình bày không rõ ý, chưa logic. - Mắc lỗi về thuật ngữ chuyên môn (trên 5 lỗi). - Nhiều lỗi chính tả. 	Mức C (Đạt)	55 - 69
<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời đúng 40-50% câu hỏi. - Không làm hết câu hỏi, bỏ nội dung hơn 60%. - Trình bày tối nghĩa, diễn đạt không rõ ý. - Mắc nhiều lỗi về thuật ngữ chuyên môn. - Nhiều lỗi chính tả. 	Mức D (Đạt, song cần cải thiện)	40 - 54
<ul style="list-style-type: none"> - Các trường hợp còn lại 	Mức F (Không đạt)	Dưới 40

11.3.2 Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí đánh giá	Mức chất lượng	Thang điểm
<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia học tập trên lớp đạt trên 95% số tiết học - Tham gia tích cực thảo luận trên lớp - Ý thức, thái độ học tập tốt 	Mức A (Vượt quá mong đợi)	8,5 - 10
<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia học tập trên lớp đạt từ 90-95% số tiết học - Có tham gia thảo luận trên lớp - Ý thức, thái độ học tập tốt 	Mức B (Đáp ứng được mong đợi)	7,0 - 8,4
<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia học tập trên lớp đạt từ 85-90% số tiết học - Ít tham gia thảo luận trên lớp - Ý thức, thái độ học tập chưa cao 	Mức C (Đạt, song cần cải thiện)	5,5 - 6,9
<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia học tập trên lớp đạt từ 80-85% số tiết học - Không tham gia thảo luận trên lớp - Ý thức, thái độ học tập không nghiêm túc 	Mức D (Chưa đạt)	4,0 - 5,4

12. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

- Giảng đường: Theo bố trí của PQLĐT.
- Danh mục trang thiết bị: Sinh viên mang theo giáo trình và dụng cụ học tập.

Hà Nội, ngày 25 tháng 11 năm 2019

P.Trưởng Khoa



ThS . Nguyễn Thị Định

Trưởng bộ môn



ThS . Nguyễn Thị Định

Người soạn đề cương



ThS. Phạm Hồng Phượng